TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đức Huấn;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Dựng;
2. Bà Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05/5/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2023/TLST - HNGĐ ngày 14/3/2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị V1, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Thôn X, xã T1, huyện K1, tỉnh Hải Dương.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Thôn An Bộ, xã H2, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
Chị V1 có có mặt, anh H1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Đoàn Thị V1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981 vào ngày 23/6/2010 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H2, thị xã K. Sau ngày cưới chị về ngay gia đình anh H1 chung sống. Vợ chồng ăn chung và ở cùng nhà bố mẹ đẻ anh H1 được khoảng 06 tháng thì bố mẹ đẻ anh H1 tách đất cho vợ chồng chị ra ở riêng. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng gần 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Văn H1 không chịu tu chí làm ăn mà thường xuyên chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần. Bản thân chị đã nhiều lần phải vay mượn người thân để đứng ra trả nợ cho anh H1. Bản thân chị và gia

đình đã nhiều lần động viên, khuyên bảo và anh H1 có viết văn bản cam kết nhưng anh H1 không chịu sửa đổi mà vẫn thường xuyên chơi bời cờ bạc, nợ nần và thường xuyên đánh chửi chị. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vào ngày 16/8/2021 chị đã đưa con về gia đình bố mẹ đẻ tại thôn X, xã T1, huyện K1 sống ly thân với anh H1 đến nay. Thời gian đầu ly thân anh H1 có sang tìm đón chị về nhưng do anh H1 không chịu sửa đổi nên chị không về. Từ sau đó đến nay chị và anh H1 không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

- Quan hệ về con chung: Vợ chồng chị có hai con là Nguyễn Thị HN, sinh ngày 06/11/2011 và Nguyễn Thị MA, sinh ngày 18/01/2014. Hai con hiện đang sống cùng anh Nguyễn Văn H1. Nay ly hôn các con có nguyện vọng được ở cùng bố, bản thân chị chưa ổn định về chỗ ở và công việc nên đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

- Quan hệ về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị V1 trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm đầu, sau đó vợ chồng sống không còn hạnh phúc vì tính tình ngày càng không hợp dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mỗi người một ý, ngoài ra còn bất đồng quan điểm trong cách làm ăn kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng liên tục cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Nay chị V1 có đơn xin ly hôn thì tùy chị V1 quyết định.

- Quan hệ về con chung: Vợ chồng anh có 02 con là Nguyễn Thị HN, sinh ngày 06/11/2011 và cháu Nguyễn Thị MA, sinh ngày 18/01/2014. Hai con đang do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị V1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Quan hệ về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 30/3/2023 chính quyền địa phương xã H2 cung cấp: Về quan hệ hôn nhân: Chị V1 và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H2 vào ngày 23/6/2010. Sau ngày cưới chị V1 về gia đình anh H1 chung sống, quá trình chung sống tại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H1 mải chơi cờ bạc. Do mâu thuẫn nên chị V1 đã về gia đình bố mẹ đẻ ở K1 sống ly thân với anh H1 khoảng 2 năm nay. Sau khi vợ chồng sống ly thân anh H1 có sự thay đổi, tu chí làm ăn để tạo ra thu nhập nuôi dưỡng hai con. Trên cơ sở sự thay đổi của anh H1, UBND xã đề nghị Tòa án tạo điều kiện hòa giải để anh chị về đoàn tụ chung sống cùng nhau nuôi dạy con chung; về con chung: Vợ chồng chị V1, anh H1 có hai con chung là cháu Nguyễn Thị HN và Nguyễn Thị MA, hiện hai cháu đang sống cùng anh H1

từ khi vợ chồng sống ly thân. Trường hợp hai anh chị ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì các cháu đang sống cùng nhau ổn định, chị V1 có trách nhiệm cùng anh H1 trong việc nuôi con. Các con sống cùng anh H1 phát triển bình thường, anh H1 lao động tự do nhưng có đủ điều kiện để nuôi hai cháu.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý ly hôn.

Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị V1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị V1 ly hôn anh Nguyễn Văn H1; về quan hệ con chung: Giao các con Nguyễn Thị HN, sinh ngày 06/11/2011 và cháu Nguyễn Thị MA, sinh ngày 18/01/2014 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H1 về việc không yêu cầu chị V1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về án phí: Chị Đoàn Thị V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp*: Chị Đoàn Thị V1 khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn - anh Nguyễn Văn H1 có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn An Bộ, xã H2, thị xã K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đoàn Thị V1 kết hôn với anh Nguyễn Văn H1 vào ngày 23/6/2010 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H2, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tại gia đình anh H1 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 không chịu tu chí làm ăn để tạo ra thu nhập cho gia đình mà chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị V1 đã về gia đình ngoại tại: Thôn X, xã T1, huyện K1 sống ly thân với anh H1 từ tháng 8/2021 đến nay. Mặc dù anh H1 đã sang tìm đón về

đoàn tụ nhưng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị V1 không về. Hai anh chị đã không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên chị V1 rút đơn về đoàn tụ nhưng chị V1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị V1, anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị V1 được ly hôn anh H1.

[3]. *Quan hệ về con chung*: Chị V1, anh H1 có hai con là Nguyễn Thị HN, sinh ngày 06/11/2011 và Nguyễn Thị MA, sinh ngày 18/01/2014. Hiện các con do anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình làm việc với Tòa án, chị V1, anh H1 thống nhất thỏa thuận giao cả hai con cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị V1 giữ nguyên nội dung hai bên đã thống nhất. Nội dung thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của các con được thể hiện trong Biên bản ghi lời khai ngày 24/3/2023. Xét điều kiện nuôi con của anh H1 thì thấy: Sau khi chị V1 về gia đình ngoại sống ly thân thì anh H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Anh H1 đã có sự thay đổi, tu chí làm ăn và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng các con. Chính quyền địa phương xã H2 đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển ổn định của các cháu. Căn cứ vào điều kiện nuôi con của anh H1; quan điểm của đương sự và nguyện vọng của con; ý kiến của cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em tại địa phương, HĐXX thấy cần giao các con Nguyễn Thị HN và Nguyễn Thị MA cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H1 về việc không yêu cầu chị V1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều: 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị V1. Xử cho chị Đoàn Thị V1 ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2. Quan hệ về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Nguyễn Thị HN, sinh ngày 06/11/2011 và Nguyễn Thị MA, sinh ngày 18/01/2014 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn H1 về việc không yêu cầu chị

Đoàn Thị V1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị Đoàn Thị V1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị V1 phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K theo biên lai số AA/2021/0002072 ngày 14/3/2023. Chị Đoàn Thị V1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND xã H2 (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đặng Đức Huấn